TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** -------- **Số: 132/2023/QĐST - DS**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____ ***Chương Mỹ, ngày 16 tháng 8 năm 2023***

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 13; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 35/2023/TLST-DS ngày 17/3/2023 về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1963. ĐKHK: TDP x, thị trấn CT, huyện ĐC, tỉnh Gia Lai.

Đại diện ủy quyền của ông T là: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1964 (vợ ông T). ĐKHK: TDP x, thị trấn CT, huyện ĐC, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở hiện nay: Thôn TM, xã TH, huyện Chương Mỹ, Hà Nội;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1965. ĐKHKTT và trú tại: Thôn TM, xã TH, huyện Chương Mỹ, Hà Nội;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1964 (vợ ông T).

3.2. Anh Trần Thiên T2, sinh năm 1986 (con ông T)

3.3. Chị Trần Lệ T3, sinh năm 1993 (con ông T).

Đều ĐKHK: TDP 6, thị trấn CT, huyện ĐC, tỉnh Gia Lai.

3.4. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1965 (chết ngày 28/3/2023)

3.5. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1988 (con ông H)

ĐKHK: TDP x, MT, quận NTL, Hà Nội

3.6. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1986 (con ông H)

ĐKHK: xã TĐ, huyện TN, Thành phố Hải Phòng

3.7. Anh Nguyễn Đức C1, sinh năm 1993 (con ông H)

ĐKHKTT và trú tại: Thôn TM, xã TH, Chương Mỹ, Hà Nội;

3.8. Ông Bùi Đăng T4, sinh năm 1971 (T5nh viên trong hộ ông H).

ĐKHK: Thôn Q, xã BM, huyện Thanh Oai, Hà Nội

Chỗ ở: Thôn TM, xã TH, Chương Mỹ, Hà Nội

3.9. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ dân sự của Người liên quan – bà Trần Thị Đ (bà Đ chết năm 2023) là hàng thừa kế thứ nhất của bà Đ gồm: Ông Nguyễn Đức H (chồng), chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị B, anh Nguyễn Đức C1.

3.10. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ dân sự của cụ Bùi Thị C2 (T5nh viên trọng hộ ông Nguyễn Đức H) là hàng thừa kế thứ nhất của cụ C2 gồm:

3.10.1 Ông Nguyễn Đức T5, sinh năm 1960. ĐKHKTT và trú tại: Thôn TM, xã TH, Chương Mỹ, Hà Nội.

3.10.2. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1962. ĐKHKTT và trú tại: Thôn CĐ 2, xã TH, Chương Mỹ, Hà Nội.

3.10.3. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1965

3.11. Vợ chồng Ông Ngô Đình C3, sinh năm 1969; bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1973. Trú tại: Thôn PB, xã TH, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Anh T2, chị T3 đều ủy quyền cho bà T1

Chị C, chị B, anh C1, ông T4, ông T5, bà O, ông C3, bà T6 đều ủy quyền cho ông Nguyễn Đức H.

Có mặt: Bà T1, ông H.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Trần Văn T, bà Lê Thị T1, anh Trần Thiên T2, chị Trần Lệ T3 có tổng diện tích đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/1993/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ là 1.618,25m^2 và sau dồn điền đổi thửa năm 1997 đã được dồn vào đất nông nghiệp của hộ ông Nguyễn Đức H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 615788, cấp ngày 28/6/1997 đứng tên Hộ ông Nguyễn Đức H.

2. Ông Nguyễn Đức H trả lại cho ông Trần Văn T, bà Lê Thị T1, anh Trần Thiên T2, chị Trần Lệ T3 tổng diện tích 1.618,25m^2 đất nông nghiệp có trị giá là 218.550.000 đồng, tại thửa số 112, diện tích 2.185m^2, tờ bản đồ số 02, xứ đồng CĐ, xã TH, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội (*có sơ đồ kèm theo*), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 615788, cấp ngày 28/6/1997 đứng tên Hộ ông Nguyễn Đức H.

3. Về án phí: Nguyên đơn – ông Trần Văn T tự nguyện chịu toàn bộ án phí là 5.464.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 10.400.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2020/0076616 ngày 16/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, ông T được nhận lại 4.936.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết Mai